Họ và tên: …….. **PHIẾU BÀI TẬP TIẾNG VIỆT**

Lớp: 1A……. **Phiếu số 28**

Bài 1: Con hãy ghép 2 ô đã cho để tạo thành cặp tương ứng.

1	2 áo phông	3 cái ly	4	5 đậu phộng
6 ki bo	7 mướp đắng	8	9 bắp	10 khổ qua
11 đèn cầy	12 củ mì	13	14 bàn ủi	15
16	17 áo thun	18	19 keo kiệt	20 dưa leo

1	và		; 2	và		; 3	và		; 4	và		; 5	và	
6	và		; 7	và		; 8	và		; 11	và		; 12	và	

Bài 2: Con hãy sắp xếp lại trật tự các từ ngữ để tạo thành câu

ở	Ăn	đầy.	như	nước	chén

trời	xanh	trong	Bầu	cao

dương	Mẹ	vầng	là	thái

LIVEWORKSHEETS

như	Trẻ	trên	em	búp	cành.

thảo.	hiền	cháu	Con

Chớp	nháy	gáy	gà	đông	mưa.	thì	nhay

gió	cho	quạt	Chị	cây

như	lược.	dừa	Tàu	chiếc

Mười	bay	cò	Tháp	cánh.	thẳng	Đồng

Bài 3: Điền vào chỗ chấm.

- Một điều ……...ịn chín điều lành.

- Trái nghĩa với "khó" là …….

LIVEWORKSHEETS

- Giải câu đố sau:

Cây gì nhiều khúc

Mọc thành bụi to

Cây già làm thang

Măng lên nhọn hoắt

Là cây……..

- Đêm nay con ngủ giấc tròn

Mẹ là ngọn …….. của con suốt đời.

Bài 4: Trắc nghiệm

Con hãy chọn câu trả lời đúng.

1. Từ nào chỉ đặc điểm của con ngựa?

☐ vòi dài ☐ giỏi leo trèo

☐ phi như bay ☐ chậm chạp

2. Từ nào không chứa vần "uôt"

☐ **tuốt lúa** ☐ **rét buốt** ☐ **trắng muốt** ☐ **cái cuốc**

3. Từ phù hợp điền vào chỗ chấm trong câu: "Kiến cánh vỡ tổ bay ra, bão táp …… gần tới." là:

☐ **nắng to** ☐ **mưa bụi** ☐ **mưa sa** ☐ **mưa rào**

4. Từ nào dưới đây viết sai chính tả?

☐ **chích chòe** ☐ **chào mào** ☐ **châu trấu** ☐ **con trăn**

5. Từ nào ghép được với cụm từ " cánh đồng lúa" để tạo thành câu.

☐ lơ lửng ☐ **nhởn nhơ** ☐ **vàng rực** ☐ **bay bổng**

6. Từ nào sau đây sai chính tả?

☐ **chứng nhận** ☐ **quả chứng** ☐ **chứng khoán** ☐ **chính kiến**

7. Giải câu đố sau?

Con gì ăn cỏ

Đầu có hai sừng

Lỗ mũi buộc thừng

Cày bừa rất khỏe?

LIVEWORKSHEETS

☐ con ngựa ☐ con voi ☐ con chó ☐ con trâu

8. Từ nào không chỉ người?

☐ y tế ☐ y tá ☐ bác sỹ ☐ kỹ sư

9. Những vần nào có trong khổ thơ sau?

Con gì bé tí
Lại đi từng đàn
Kiếm được mồi ngon
Cùng tha về tổ?

☐ on, ung, ai, ôi, uôc, iêm, an, ưng

☐ on, ai, ung, ươc, ôi, iêm, an, ưng

☐ âm, on, ai, ung, ươc, iêm, an, ưng

☐ on, ai, ia, ung, ươc, iêm, an, ưng

10. Từ nào khác với từ còn lại?

☐ con trâu ☐ con mắt ☐ con chó ☐ con khỉ

11. Từ nào khác từ còn lại?

☐ mùa đông ☐ mùa thu ☐ mùa hè ☐ mùa thi

12. Từ nào còn thiếu trong câu sau:

Chó ……. mèo lắm lông
Ai ngờ chó lại lắm lông hơn mèo.

☐ chê ☐ thấy ☐ khen ☐ bảo

13. Giải câu đó sau:

Quả gì năm cánh sao vàng
Chim ăn một quả trả vàng cho em?

☐ quả táo ☐ quả ổi ☐ quả khế ☐ quả mơ

14. Từ nào còn thiếu trong câu: "Của thiên …….. địa."

☐ xin ☐ trả ☐ chả ☐ cho

Bài 5: Tìm từ có nghĩa trái ngược với các từ sau:

đen - …… chăm chỉ - …… xuôi - ……..

phải - …….. tốt - …….. xa - ……..

trẻ - …….. yêu - …… dài - ……..

LIVEWORKSHEETS